



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TRUYỀN  
THÔNG THANH NIÊN**

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009**



# MỤC LỤC

Báo cáo của Ban Giám đốc

Báo cáo kiểm toán

Các Báo cáo tài chính

- Bảng cân đối kế toán
- Báo cáo kết quả kinh doanh
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- Thuyết minh Báo cáo tài chính

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Truyền thông Thanh Niên công bố báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009.

### Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Tập đoàn Truyền thông Thanh Niên (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 4103004221 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 04/01/2006. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ ngày thành lập cho đến nay, Công ty đã sáu lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần gần nhất vào ngày 17/12/2009 với số đăng ký kinh doanh mới là 0304173170. Công ty có 2 Chi nhánh và 03 Công ty con, bao gồm:

### Các chi nhánh

- Chi nhánh Nhà in Thanh Niên Đà Nẵng – Lô C4, Thanh Lộc Đán, Phường Hòa Minh, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Truyền thông Thanh Niên - Số 26-81/35, đường Linh Lang, Phường Cống Vị, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

### Các công ty con

#### Tên Công ty

Công ty Cổ phần Cao Ốc Thanh Niên – Detesco

Công ty TNHH MTV Giải trí Thanh Niên

Công ty TNHH MTV Quảng cáo Phát hành Thanh Niên

#### Địa điểm trụ sở

125 Văn Cao, P. Liễu Giai,  
Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

248 Cống Quỳnh, P. Phạm Ngũ Lão,  
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

248 Cống Quỳnh, P. Phạm Ngũ Lão,  
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

### Trụ sở chính

- Địa chỉ: 248 Cống Quỳnh, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP Hồ Chí Minh.
- Văn phòng giao dịch: 2B Cao Thắng, Phường 5, Quận 3, TP Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: 84 – 8 – 39291846
- Fax: 84 – 8 – 39291841

### Ngành nghề kinh doanh chính

- Dịch vụ quảng cáo, thương mại;
- Tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại;
- In ấn và phát hành sách báo, văn hóa phẩm (không hoạt động tại trụ sở);
- Tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp (không tổ chức và hoạt động tại trụ sở);
- Mua sách báo, văn hóa phẩm có nội dung được phép lưu hành;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Kinh doanh nhà, môi giới bất động sản;
- Mua bán vật tư, thiết bị, phụ tùng ngành in;
- Dịch vụ tư vấn du học, giáo dục bậc trung học, đào tạo nghề;

S  
/ <  
H  
Á  
Á  
Á  
/ >  
=

7  
S  
★  
Q.

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Kinh doanh lẻ hành nội địa, quốc tế;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn nhà hàng (không kinh doanh hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh vận tải hành khách, hàng hóa bằng đường bộ và đường thủy nội địa;
- Kinh doanh kho bãi;
- Mua bán nông sản;
- Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán);
- Đại lý vé máy bay;
- Mua bán thiết bị tin học;
- Đại lý dịch vụ internet (không hoạt động tại trụ sở);
- Tổ chức hội nghị, hội thảo;
- Mua bán máy móc thiết bị, vật tư nguyên liệu, phụ tùng, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), phân bón, đồ điện – điện tử - điện gia dụng, bếp ga, rượu, bia, văn phòng phẩm, dụng cụ học sinh, đồ chơi trẻ em (trừ đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe trẻ em hoặc ảnh hưởng tới an ninh, trật tự, an toàn xã hội), dụng cụ thể thao (trừ kinh doanh súng đạn thể thao, vũ khí thô sơ), mỹ phẩm, hàng nông lâm thủy hải sản, lương thực, thực phẩm, xe ô tô, xe gắn máy và phụ tùng, hàng kim khí điện máy, hàng may mặc, hàng thủ công mỹ nghệ, thiết bị xây dựng, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất;
- Gia công hàng may mặc (trừ tẩy nhuộm, hồ in trên sản phẩm dệt may đan và gia công hàng đã qua sử dụng).

### Nhân sự

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

#### Hội đồng quản trị

- |                          |                   |                           |
|--------------------------|-------------------|---------------------------|
| • Ông Nguyễn Công Khế    | Chủ tịch HĐQT     | Bổ nhiệm ngày 04/01/2006  |
| • Ông Ngô Minh Hải       | Phó Chủ tịch HĐQT | Bổ nhiệm ngày 04/01/2006  |
| • Ông Huỳnh Hải Minh     | Thành viên        | Miễn nhiệm ngày 18/4/2009 |
| • Ông Nguyễn Quang Thông | Thành viên        | Bổ nhiệm ngày 05/04/2008  |
| • Ông Nguyễn Ngọc Mỹ     | Thành viên        | Bổ nhiệm ngày 05/04/2008  |
| • Bà Nguyễn Thị Yến Mai  | Thành viên        | Bổ nhiệm ngày 04/01/2006  |
| • Ông Trần Trọng Hòa     | Thành viên        | Bổ nhiệm ngày 18/04/2009  |
| • Ông Nguyễn Hùng Cường  | Thành viên        | Bổ nhiệm ngày 18/04/2009  |

#### Ban Kiểm soát

- |                          |            |                          |
|--------------------------|------------|--------------------------|
| • Bà Lê Phước Thanh Bình | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 04/01/2006 |
| • Ông Nguyễn Công Thắng  | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 04/01/2006 |
| • Ông Nguyễn Ngọc Sơn    | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 04/01/2006 |

04  
CC  
T.1  
KIẾ  
VÀ F  
NH/KI

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

### Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

- |                           |                   |                                                        |
|---------------------------|-------------------|--------------------------------------------------------|
| • Ông Đỗ Ngọc Tuấn        | Q. Tổng Giám đốc  | Bổ nhiệm ngày 19/01/2010                               |
| • Ông Huỳnh Hải Minh      | Tổng Giám đốc     | Bổ nhiệm ngày 01/08/2007<br>Miễn nhiệm ngày 19/01/2010 |
| • Bà Đặng Thị Thanh Hương | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01/07/2007                               |
| • Ông Lê Minh Anh         | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 21/09/2009                               |
| • Ông Lưu Văn Diệp        | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 05/05/2008<br>Miễn nhiệm ngày 15/10/2009 |
| • Ông Phan Hùng Dũng      | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 05/05/2008<br>Miễn nhiệm ngày 25/09/2009 |
| • Ông Đỗ Văn Cẩm          | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 21/09/2009<br>Miễn nhiệm ngày 01/01/2010 |
| • Bà Bùi Thị Hồng Minh    | Kế toán trưởng    | Bổ nhiệm ngày 01/11/2008                               |

### Kiểm toán độc lập

Các Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán (Trụ sở chính 217 Nguyễn Văn Linh, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0511.3655886; Fax: (84) 0511.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất

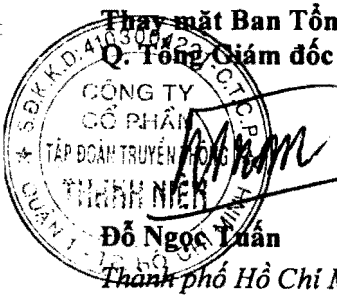
Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất trên nguyên tắc hoạt động liên tục.

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Các Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2009 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

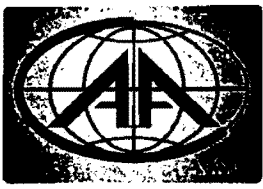
Q. Tổng Giám đốc



Đỗ Ngọc Tuấn

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 04 năm 2009

1007  
GT  
H.I  
TO.  
TO/  
TP.



# CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

## THÀNH VIÊN CỦA POLARIS INTERNATIONAL

Trụ sở chính  
217 Nguyễn Văn Linh, Q. Thanh Khê, Tp. Đà Nẵng  
Tel: 84.511.3655886; Fax: 84.511.3655887  
Email: aac@dng.vnn.vn  
Website: <http://www.aac.com.vn>

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh  
47-49 Hoàng Sa (Tầng 5 Tòa nhà Hoàng Đan)  
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh  
Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349  
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 741/BCKT-AAC

Đà Nẵng, ngày 05 tháng 05 năm 2010

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các Cổ đông  
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Truyền thông Thanh niên**

Chúng tôi đã kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2009, gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Tập đoàn Truyền Thông Thanh Niên (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 5 đến trang 28. Các Báo cáo tài chính này được lập theo Chế độ kế toán Việt Nam.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty và của Kiểm toán viên

Việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất này là trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là dựa trên các bằng chứng kiểm toán để đưa ra ý kiến độc lập của mình về tính trung thực và hợp lý của các Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán.

### Cơ sở đưa ra ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Theo đó, chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong các Báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của mình.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên mọi khía cạnh trọng yếu, các Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2009 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2009, phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

Chúng tôi xin lưu ý rằng: Vốn điều lệ của Công ty là 100 tỷ đồng, tuy nhiên cho đến thời điểm này, Công ty vẫn chưa góp đủ vốn đã đăng ký theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 6 số 0304173170 ngày 17/12/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.



*[Signature]*  
Phạm Xuân Văn  
Tổng Giám đốc

Chứng chỉ KTV số Đ.0102/KTV

*[Signature]*

Trần Thị Thu Hiền  
Kiểm toán viên

Chứng chỉ KTV số 0753/KTV



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Mẫu số B 01 – DN/HN  
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC  
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

TT TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>101.221.878.478</b>	<b>156.895.819.308</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>12.822.458.533</b>	<b>10.487.348.589</b>
1. Tiền	111	5	12.322.458.533	10.487.348.589
2. Các khoản tương đương tiền	112		500.000.000	-
<b>II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>40.400.495.286</b>	<b>110.569.461.168</b>
1. Phải thu của khách hàng	131	6	31.848.726.401	106.396.699.833
2. Trả trước cho người bán	132	7	2.151.177.630	1.182.358.480
3. Các khoản phải thu khác	135	8	6.400.591.255	2.990.402.855
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>41.183.432.547</b>	<b>30.503.342.809</b>
1. Hàng tồn kho	141	9	41.183.432.547	30.503.342.809
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>6.815.492.112</b>	<b>5.335.666.742</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	169.248.189	202.084.592
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.843.340.055	2.477.349.981
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	11	1.802.903.868	2.656.232.169
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>			<b>150.256.755.596</b>	<b>81.061.790.308</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>121.213.734.420</b>	<b>60.684.355.655</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	37.296.992.559	11.275.151.938
- Nguyên giá	222		39.881.697.839	11.670.182.679
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.584.705.280)	(395.030.741)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	13	19.042.071.426	16.365.000.000
- Nguyên giá	225		20.993.571.428	16.365.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(1.951.500.002)	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	14	27.312.367.902	6.815.345.000
- Nguyên giá	228		27.331.262.040	6.821.345.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(18.894.138)	(6.000.000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	15	37.562.302.533	26.228.858.717
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>24.887.500.000</b>	<b>18.243.668.000</b>
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
2. Đầu tư dài hạn khác	258	16	24.887.500.000	18.243.668.000
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>4.155.521.176</b>	<b>2.133.766.653</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	17	1.868.331.176	822.091.653
2. Tài sản dài hạn khác	268	18	2.287.190.000	1.311.675.000
<b>VI. Lợi thế thương mại</b>	<b>269</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>251.478.634.074</b>	<b>237.957.609.616</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

TT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
<b>A.</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>108.854.237.843</b>	<b>119.465.735.101</b>
<b>I.</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>92.208.697.843</b>	<b>110.949.759.926</b>
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	19	21.164.440.000	55.762.619.639
2.	Phải trả cho người bán	312	20	59.327.315.206	45.755.214.664
3.	Người mua trả tiền trước	313	21	5.138.550.265	1.870.130.705
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	22	1.919.458.080	5.060.988.674
5.	Phải trả người lao động	315		952.593.211	729.786.944
6.	Chi phí phải trả	316	23	499.179.876	79.997.430
7.	Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	24	3.207.161.205	1.691.021.870
<b>II.</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>16.645.540.000</b>	<b>8.515.975.175</b>
1.	Vay và nợ dài hạn	334	25	16.645.540.000	8.500.000.000
2.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	15.975.175
<b>B.</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>115.794.035.423</b>	<b>118.491.874.515</b>
<b>I.</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>26</b>	<b>115.662.543.439</b>	<b>118.875.135.896</b>
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	26	98.798.500.000	98.798.500.000
2.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	26	(63.423.854)	-
3.	Quỹ đầu tư phát triển	417	26	1.079.000.000	79.000.000
4.	Quỹ dự phòng tài chính	418	26	1.148.000.000	150.000.000
5.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	26	14.700.467.293	19.847.635.896
<b>II.</b>	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>131.491.984</b>	<b>(383.261.381)</b>
1.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		131.491.984	(383.261.381)
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>C.</b>	<b>LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>		<b>26.830.360.808</b>	
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>430</b>		<b>251.478.634.074</b>	<b>237.957.609.616</b>

K  
V  
H

31/12/2009  
USD

31/12/2008  
USD

Ngoại tệ các loại (USD)

3.694,51

114.665,37



**Đỗ Ngọc Tuấn**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 04 năm 2009

**Kế toán trưởng**

**Bùi Thị Hồng Minh**





**BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009


Mẫu số B 02 – DN/HN  
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC  
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
1.	Doanh thu bán hàng và c.cấp dịch vụ	01	27	221.019.098.217	215.198.181.896
2.	Các khoản giảm trừ	02			323.850.909
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và CC dịch vụ	10		221.019.098.217	214.874.330.987
4.	Giá vốn hàng bán	11	28	209.261.604.636	205.171.297.983
5.	<b>Lợi nhuận gộp bán hàng và c.cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>11.757.493.581</b>	<b>9.703.033.004</b>
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	20.644.074.779	30.003.399.662
7.	Chi phí hoạt động tài chính	22	30	3.919.452.131	2.731.442.986
	<i>Trong đó: Lãi vay</i>	23		3.293.500.648	1.639.485.411
8.	Chi phí bán hàng	24		2.976.827.238	2.916.653.256
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		15.018.895.351	8.776.515.786
10.	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>10.486.393.640</b>	<b>25.281.820.638</b>
11.	Thu nhập khác	31	31	17.844.800	16.418.640.686
12.	Chi phí khác	32	32	90.685.108	16.394.999.658
13.	<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(72.840.308)</b>	<b>23.641.028</b>
14.	<b>Lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh</b>	<b>45</b>			
15.	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>10.413.553.332</b>	<b>25.305.461.666</b>
16.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		1.870.157.040	5.488.000.000
17.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
18.	<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>		<b>8.543.396.292</b>	<b>19.817.461.666</b>
18.1.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		(1.097.313.564)	
18.2.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	62		9.640.709.856	19.817.461.666
19.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	976	2.011

11/21/09

**Ông Tổng Giám đốc**  
  


**Đỗ Ngọc Tuấn**  
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 04 năm 2009

**Kế toán trưởng**  


**Bùi Thị Hồng Minh**

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

Mẫu số B 03 – DN/HN  
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC  
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
<b>I.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1.	Tiền thu từ bán hàng, CC DV, doanh thu khác	01	313.013.976.370	204.904.325.750
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(188.896.008.450)	(230.712.806.561)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03	(8.350.770.764)	(4.221.076.413)
4.	Tiền chi trả lãi vay	04	(4.082.727.981)	(1.639.485.411)
5.	Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	05	(4.867.240.725)	(2.004.174.542)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	32.322.869.202	39.014.382.886
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(56.348.604.503)	(35.923.846.723)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>82.791.493.149</b>	<b>(30.582.681.014)</b>
<b>II.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1.	Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và TS DH khác	21	(43.470.603.197)	(41.241.186.876)
2.	Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ đơn vị khác	23	(1.800.000.000)	(20.500.000.000)
3.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại CC nợ đơn vị khác	24	1.800.000.000	46.290.000.000
4.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(7.907.500.000)	(15.608.668.000)
5.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	1.263.668.000	80.000.000
6.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và LN được chia	27	890.259.040	1.868.619.769
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(49.224.176.157)</b>	<b>(29.111.235.107)</b>
<b>III.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1.	Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	4.000.000.000	5.020.000.000
2.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	101.925.499.374	92.662.619.639
3.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(125.386.119.013)	(38.400.000.000)
4.	Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	(2.992.020.000)	-
5.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(8.783.121.567)	(3.620.533.186)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(31.235.761.206)</b>	<b>55.662.086.453</b>
	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>2.331.555.786</b>	<b>(4.031.829.668)</b>
	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>10.487.348.589</b>	<b>14.448.501.741</b>
	<b>Ảnh hưởng của thay đổi TG hối đoái qui đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>	<b>3.554.158</b>	<b>70.676.516</b>
	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>12.822.458.533</b>	<b>10.487.348.589</b>

103004227  
**Q. Tổng Giám đốc**  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
TẬP ĐOÀN TRUYỀN THÔNG  
THANH NIÊN  
**Đỗ Ngọc Tuấn**  
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 04 năm 2009

**Kế toán trưởng**

**Bùi Thị Hồng Minh**

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính hợp nhất)

### 1. Đặc điểm hoạt động

Công ty Cổ phần Tập đoàn Truyền thông Thanh Niên (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 4103004221 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 04/01/2006. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ ngày thành lập cho đến nay, Công ty đã sáu lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần gần nhất vào ngày 17/12/2009 với số đăng ký kinh doanh mới là 0304173170.

#### *Ngành nghề kinh doanh chính*

- Dịch vụ quảng cáo, thương mại;
- Tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại;
- In ấn và phát hành sách báo, văn hóa phẩm (không hoạt động tại trụ sở);
- Tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp (không tổ chức và hoạt động tại trụ sở);
- Mua sách báo, văn hóa phẩm có nội dung được phép lưu hành;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Kinh doanh nhà, môi giới bất động sản;
- Mua bán vật tư, thiết bị, phụ tùng ngành in;
- Dịch vụ tư vấn du học, giáo dục bậc trung học, đào tạo nghề;
- Kinh doanh lữ hành nội địa, quốc tế;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn nhà hàng (không kinh doanh hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh vận tải hành khách, hàng hóa bằng đường bộ và đường thủy nội địa;
- Kinh doanh kho bãi;
- Mua bán nông sản;
- Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán);
- Đại lý vé máy bay;
- Mua bán thiết bị tin học; Đại lý dịch vụ internet (không hoạt động tại trụ sở);
- Tổ chức hội nghị, hội thảo;
- Mua bán máy móc thiết bị, vật tư nguyên liệu, phụ tùng, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), phân bón, đồ điện – điện tử - điện gia dụng, bếp ga, rượu, bia, văn phòng phẩm, dụng cụ học sinh, đồ chơi trẻ em (trừ đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe trẻ em hoặc ảnh hưởng tới an ninh, trật tự, an toàn xã hội), dụng cụ thể thao (trừ kinh doanh súng đạn thể thao, vũ khí thô sơ), mỹ phẩm, hàng nông lâm thủy hải sản, lương thực, thực phẩm, xe ô tô, xe gắn máy và phụ tùng, hàng kim khí điện máy, hàng may mặc, hàng thủ công mỹ nghệ, thiết bị xây dựng, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất;
- Gia công hàng may mặc (trừ tẩy nhuộm, hồ in trên sản phẩm dệt may đan và gia công hàng đã qua sử dụng).

707  
H  
Á  
Á  
Á  
Á

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### **Các Công ty con được hợp nhất**

#### **Công ty Cổ phần Cao Ốc Thanh Niên – Detesco**

- Địa chỉ: 125 Văn Cao, Phường Liễu Giai, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội
- Hoạt động kinh doanh chính: Dịch vụ tư vấn về Bất động sản, đấu giá bất động sản, quản lý và quảng cáo bất động sản; Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, công trình công nghệ thông tin, bưu chính viễn thông, công trình phát thanh truyền hình, công trình cấp thoát nước, các công trình hạ tầng đô thị, nông thôn và hạ tầng xã hội; Lắp đặt điện nước cho các công trình dân dụng, công nghiệp; San lấp mặt bằng các công trình dân dụng, công nghiệp; Tư vấn đầu tư, tư vấn thẩm định, lập hồ sơ dự án các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, bưu chính viễn thông (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình, tư vấn tài chính, chứng khoán); Dịch vụ quay phim, quay video; Dịch vụ chiếu phim; Dịch vụ quảng cáo thương mại và quảng cáo phi thương mại; Tổ chức các sự kiện (trừ hợp báo), hội chợ, triển lãm thương mại; Dịch vụ chăm sóc sắc đẹp, dịch vụ thẩm mỹ (không bao gồm xăm mắt, xăm môi và các dịch vụ gây chảy máu khác); Dịch vụ vui chơi giải trí khác: bi-a, trò chơi điện tử; Kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn, dịch vụ ăn uống giải khát (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường); Dịch vụ vệ sinh dân dụng – công nghiệp, dịch vụ diệt côn trùng, chống mối mọt (trừ xông hơi khử trùng); Dịch vụ trông giữ xe; Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa; Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.
- Tỷ lệ lợi ích và Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103026950 ngày 26 tháng 09 năm 2008 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội, Công ty CP Cao ốc Thanh Niên Detesco có 03 cổ đông sáng lập với vốn điều lệ là 80 tỷ đồng, trong đó Công ty cam kết góp 52 tỷ đồng (chiếm tỷ lệ 65% vốn điều lệ). Tuy nhiên, đến thời điểm 31/12/2009, vốn góp thực tế của các cổ đông là 56 tỷ đồng, trong đó, Công ty đã góp 28 tỷ đồng (chiếm tỷ lệ 50% vốn thực góp).

#### **Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành Viên Giải Trí Thanh Niên**

- Địa chỉ: 248 Cống Quỳnh, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
- Văn phòng giao dịch: 2B Cao Thắng, Phường 5, Quận 3, TP Hồ Chí Minh.
- Hoạt động kinh doanh chính: Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí (không hoạt động tại trụ sở); Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại; Quảng cáo; Hoạt động sản xuất chương trình truyền hình (không hoạt động tại trụ sở).
- Tỷ lệ lợi ích và Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104010164 ngày 29 tháng 05 năm 2009 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, vốn điều lệ của Công ty TNHH MTV Giải trí Thanh niên là 1 tỷ đồng do Công ty Cổ phần Tập đoàn Truyền thông Thanh Niên góp 100% vốn. Tại thời điểm 31/12/2009, Công ty đã góp đủ vốn điều lệ.

#### **Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành Viên Quảng Cáo Phát Hành Thanh Niên**

Địa chỉ: 248 Cống Quỳnh, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Thành phố HCM.

Văn phòng giao dịch: 2B Cao Thắng, Phường 5, Quận 3, TP Hồ Chí Minh.

- Hoạt động kinh doanh chính: Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm (có nội dung được phép lưu hành); Quảng cáo; Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí (Không hoạt động tại trụ sở); Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại.
- Tỷ lệ lợi ích và Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104010165 ngày 29 tháng 05 năm 2009 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, vốn điều lệ của Công ty TNHH MTV Quảng cáo Phát hành Thanh niên là 1 tỷ đồng do Công ty Cổ phần

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Tập đoàn Truyền thông Thanh Niên góp 100% vốn. Tại thời điểm 31/12/2009, Công ty đã góp vốn 583.367.660 đồng vào công ty con.

### **2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Riêng báo cáo tài chính năm đầu tiên của công ty Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành Viên Giải Trí Thanh Niên và Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành Viên Quảng Cáo Phát Hành Thanh Niên bắt đầu từ ngày 29/05/2009 đến ngày 31/12/2009

Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

### **3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam, ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán: Nhật ký chung.

### **4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**

#### **4.1 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Các công ty con

Công ty con là các đơn vị do Công ty kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của các công ty này. Báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày Công ty bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào lợi ích của Công ty mẹ trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

**Các giao dịch bị loại ra khi hợp nhất**

Các số dư và giao dịch nội bộ và lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ giữa Công ty mẹ và công ty con bị loại bỏ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

#### **4.2 Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### **4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### **4.4 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm phát sinh. Các tài khoản có số dư ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ của các khoản nợ phải thu dài hạn được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ của tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn thì để lại số dư trên báo cáo tài chính, đầu năm sau ghi bút toán ngược lại để xóa số dư.

### **4.5 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

### **4.6 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

### **4.7 Tài sản cố định hữu hình**

#### **Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

### Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Mức khấu hao phù hợp với Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003 của Bộ Tài chính.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	20
Máy móc, thiết bị	10
Phương tiện vận tải	6 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 – 5
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 5
Tài sản cố định khác	3
Tài sản cố định thuê tài chính	8 – 10

### 4.8 Tài sản cố định vô hình

#### Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình khi Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định được phản ánh theo nguyên giá và không tính khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời gian sử dụng (thời hạn thuê) được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Mức khấu hao tùy thuộc vào thời gian thuê đất.

#### Các tài sản cố định vô hình khác

Các tài sản cố định vô hình khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Khấu hao của tài sản cố định vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Tỷ lệ khấu hao phù hợp với Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003 của Bộ Tài chính.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phần mềm máy tính	3

### 4.9 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### **4.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

### **4.11 Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm**

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc cho khoảng thời gian người lao động làm việc tại Công ty tính đến ngày 31/12/2008. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là từ 1% đến 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc làm được Công ty trích lập theo quy định tại Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14/08/2003 của Bộ Tài chính.

### **4.12 Chi phí vay**

Chi phí đi vay trong giai đoạn đầu tư xây dựng các công trình xây dựng cơ bản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó. Khi công trình hoàn thành thì chi phí đi vay được tính vào chi phí tài chính trong kỳ.

Tất cả các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ khi phát sinh.

### **4.13 Phân phối lợi nhuận thuần**

Lợi nhuận thuần sau thuế sau khi trích lập các quỹ được chia cho các cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội Cổ đông.

### **4.14 Ghi nhận doanh thu**

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
  - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
  - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
  - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
  - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

### **4.15 Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

### 4.16 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế Thu nhập doanh nghiệp: Công ty mẹ và các công ty con Áp dụng mức thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp là 25% và được giảm 30% thuế TNDN của năm 2009 theo quy định tại Thông tư số 03/2009/TT-BTC ngày 13/01/2009 của Bộ Tài chính.
- Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

## 5. Tiền

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Tiền mặt	741.078.105	1.296.321.403
Tiền gửi ngân hàng	11.581.380.428	9.191.027.186
Tiền gửi VND	11.515.097.223	7.244.353.199
- Ngân hàng Việt Nam Thương Tín	3.013.373.278	-
- Ngân hàng Thương mại Cổ Phần Á Châu	988.235.653	-
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	129.601.849	1.333.034.902
- Ngân hàng Công thương Việt Nam	86.845.839	4.321.156
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á	39.642.582	8.338.662
- Ngân hàng Thương mại và Phát triển Nhà TP HCM	-	175.515.098
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	7.256.392.498	5.723.143.381
- Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín	1.005.524	-
Tiền gửi ngoại tệ (USD)	66.283.205	1.946.673.987
- Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam	-	-
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Sài Gòn	57.072.833	53.889.412
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á	9.200.504	1.852.006.330
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	9.868	36.974.039
- Ngân hàng Công thương Việt Nam	-	3.804.206
<b>Cộng</b>	<b>12.322.458.533</b>	<b>10.487.348.589</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 6. Phải thu khách hàng

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Báo Thanh Niên	18.434.402.766	59.443.706.560
Công ty TNHH Dệt Kim Hiệp Phong	-	9.728.984
Công ty TNHH Cây dừa thân	80.676.000	109.800.000
Công ty TNHH In Hậu Giang	51.750.002	51.750.002
Công ty TNHH In Hưng Thành	-	157.934.513
Công ty CP In Scitech	-	578.166.120
Công ty CP In và Bao bì Đồng Tháp	16.900.000	171.869.901
Phạm Khắc Tuấn	8.000.000.000	28.000.000.000
Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính	-	10.000.000.000
Cơ sở Hiệp Hưng	-	138.896.991
Công ty TNHH Toàn Tấn	-	184.415.000
Xí nghiệp In báo Thanh Niên	-	7.224.178.342
Công ty Truyền thông 5 sao	-	48.420.000
Công ty Truyền thông Tiếp thị	-	72.630.000
Công ty Cổ phần Thương mại	-	180.000.000
DNTN Thương Mại Giấy Đức Phát	56.437.500	-
Công ty CP In Bao Bì Đạt Thành	35.949.900	-
Công ty TNHH in bao bì Lê Nhân	140.404.019	-
Công ty TNHH TM Tân Thuận Thái	30.000.000	-
Công ty TNHH TM & DV Ngân Long	582.709.528	-
Hàng nhập khẩu - Phòng kinh doanh	1.940.757.032	-
Công ty TNHH Một Thành Viên thể thao Tiến	466.000.000	-
Công ty TNHH HNH	907.233.250	-
Công ty TNHH TM DV Kiến Vàng	126.316.801	-
CN Tạp Chí Người XD Tại Miền Trung Đô Thị & Phát Triển	55.552.000	-
Xí nghiệp giấy Minh Quân	14.703.210	-
Công ty in tạp chí Cộng Sản	379.499.400	-
Các khách hàng khác "dưới 30.000.000 đồng"	529.434.993	25.203.420
<b>Cộng</b>	<b>31.848.726.401</b>	<b>106.396.699.833</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 7. Trả trước cho người bán

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Công ty TNHH TBCB ĐT Tân Long	-	241.140.000
Công ty TNHH Fuan Huari Brake Material	-	89.150.980
Công ty TNHH TMDV Lộc Lê Hải	-	655.837.500
Công ty TNHH TV & TK Kiến trúc và XD Nghi Hân	-	110.480.000
Công ty Chứng khoán ngân hàng Đông Á	80.000.000	-
Công ty TNHH TM & DV Điện tử Hồng Nhân	516.010.000	-
Công ty TNHH TM và QC Lữ Nhạc	211.466.750	-
Công ty TNHH MTV TMSXDV Văn Hoá Ngọc Vũ	319.550.000	-
Công ty TNHH TM và DV Trần Linh	112.860.000	-
Trung Tâm Văn hoá Hoà Bình Q10	335.500.000	-
Phùng Thị Đức Trân	277.185.000	-
Ngô Thị Thu Nga	126.000.000	-
Các khách hàng dưới "30.000.000 đồng"	172.605.880	85.750.000
<b>Cộng</b>	<b>2.151.177.630</b>	<b>1.182.358.480</b>

### 8. Các khoản phải thu khác

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính	565.140.476	818.250.000
Xí Nghiệp In Báo Thanh Niên	-	500.000.000
Công ty CP Bất động sản Thanh Niên	56.829.248	56.829.248
Báo Thanh Niên	1.550.000.000	1.550.000.000
Công ty Cổ Phần Thương Mại Toàn Lực	4.000.000.000	-
Lãi dự thu ngân hàng Quân Đội	3.298.000	-
Các đối tượng khác "Dưới 30.000.000 đồng"	225.323.531	65.323.607
<b>Cộng</b>	<b>6.400.591.255</b>	<b>2.990.402.855</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 9. Hàng tồn kho

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	12.100.000.500	-
Nguyên liệu, vật liệu	7.667.008.519	1.106.480.277
Công cụ dụng cụ	2.038.095	8.670.455
Chi phí SXKD dở dang	596.213.274	-
Hàng hóa	20.818.172.159	29.388.192.077
<b>Cộng</b>	<b>41.183.432.547</b>	<b>30.503.342.809</b>

### 10. Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Chi phí bảo hiểm tài sản	24.825.409	21.332.652
Chi phí may đồng phục CBCNV	49.500.000	-
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	40.477.996	24.400.000
Chi phí khác chờ phân bổ	54.444.784	156.351.940
<b>Cộng</b>	<b>169.248.189</b>	<b>202.084.592</b>

### 11. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Trần Bắc Trung	-	365.433.000
Đỗ Ngọc Tuấn	373.980.000	2.170.000.000
Đặng Thị Thanh Hương	350.000.000	-
Đặng Thị Thanh Trang	469.600.000	-
Võ Thị Tường Vi	124.720.000	-
Nguyễn Tấn Cư	55.000.000	-
Ký quỹ	10.000.000	-
Các cá nhân khác tạm ứng dưới "30.000.000 đồng"	419.603.868	120.799.169
<b>Cộng</b>	<b>1.802.903.868</b>	<b>2.656.232.169</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 12. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu năm	5.607.987.755	3.521.706.508	1.441.867.277	1.060.750.139	37.871.000	11.670.182.679
Tăng trong năm	2.817.218.620	24.392.991.296	845.248.044	254.797.619	-	28.310.255.579
Giảm trong năm	-	-	-	98.740.419	-	98.740.419
<b>Số cuối năm</b>	<b>8.425.206.375</b>	<b>27.914.697.804</b>	<b>2.287.115.321</b>	<b>1.216.807.339</b>	<b>37.871.000</b>	<b>39.881.697.839</b>
<b>Khấu hao</b>						
Số đầu năm	70.099.847	90.312.361	112.885.265	118.577.351	3.155.917	395.030.741
Tăng trong năm	361.566.534	1.312.693.722	253.744.176	278.805.768	12.623.664	2.219.433.864
Giảm trong năm	-	-	-	29.759.325	-	29.759.325
<b>Số cuối năm</b>	<b>431.666.381</b>	<b>1.403.006.083</b>	<b>366.629.441</b>	<b>367.623.794</b>	<b>15.779.581</b>	<b>2.584.705.280</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu năm	5.537.887.908	3.431.394.147	1.328.982.012	942.172.788	34.715.083	11.275.151.938
<b>Số cuối năm</b>	<b>7.993.539.994</b>	<b>26.511.691.721</b>	<b>1.920.485.880</b>	<b>849.183.545</b>	<b>22.091.419</b>	<b>37.296.992.559</b>

D: 04  
CÓ  
T  
A KI  
V

Trong tổng tài sản cố định hữu hình có hệ thống máy in cuộn hiện đang thế chấp tại ngân hàng. Giá trị còn lại của tài sản ngày 31/12/2009 là 18.562.582.706 đồng

### 13. Tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc thiết bị VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>		
Số đầu năm	16.365.000.000	16.365.000.000
Thuê tài chính trong năm	4.628.571.428	4.628.571.428
Giảm trong năm	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>20.993.571.428</b>	<b>20.993.571.428</b>
<b>Khấu hao</b>		
Số đầu năm	-	-
Tăng trong năm	1.951.500.002	1.951.500.002
Giảm trong năm	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>1.951.500.002</b>	<b>1.951.500.002</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Số đầu năm	16.365.000.000	16.365.000.000
<b>Số cuối năm</b>	<b>19.042.071.426</b>	<b>19.042.071.426</b>

Tài sản cố định thuê tài chính là hệ thống máy in cuộn, máy in offset tờ rời mà Công ty thuê của Công ty TNHH Một Thành viên cho thuê tài chính Ngân hàng Á Châu theo Hợp đồng thuê tài chính số 07.12.08/HĐCTTCLB ngày 31/12/2008 và hợp đồng số 02.05.09/HĐCTTC-TN ngày 25/5/2009.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 14. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Giá trị Thương hiệu VND	Phần mềm kế toán VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>				
Số đầu năm	3.803.345.000	3.000.000.000	18.000.000	6.821.345.000
Tăng trong năm	23.457.052.240	-	52.864.800	23.509.917.040
Giảm trong năm (*)		3.000.000.000		3.000.000.000
<b>Số cuối năm</b>	<b>27.260.397.240</b>	<b>-</b>	<b>70.864.800</b>	<b>27.331.262.040</b>
<b>Khấu hao</b>				
Số đầu năm	-	-	6.000.000	6.000.000
Tăng trong năm	-	-	12.894.138	12.894.138
Giảm trong năm	-	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>18.894.138</b>	<b>18.894.138</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu năm	3.803.345.000	3.000.000.000	12.000.000	6.815.345.000
<b>Số cuối năm</b>	<b>27.260.397.240</b>	<b>-</b>	<b>51.970.662</b>	<b>27.312.367.902</b>

(\*) Giảm do Báo Thanh niên thay thế việc góp vốn bằng giá trị thương hiệu trước đây bằng số tiền cổ tức được nhận năm 2008.

### 15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Truyền thông Thanh Niên	10.443.793.263	10.132.208.597
- Tiền thuê đất KCN Tiên Sơn - Bắc Ninh	10.011.036.182	10.011.036.182
- Nhà máy In Hà Nội	259.272.415	121.172.415
- Xe Ô tô tài cho CN Đà Nẵng	173.484.666	-
Tại Công ty CP Cao Ốc Thanh Niên Detesco	27.118.509.270	16.096.650.120
- Chi phí chuyển quyền sử dụng đất	22.176.650.120	16.096.650.120
- Công trình Cao ốc Thanh niên Plaza	4.941.859.150	-
<b>Cộng</b>	<b>37.562.302.533</b>	<b>26.228.858.717</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 16. Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
<b>- Đầu tư dài hạn khác</b>	<b>24.887.500.000</b>	<b>18.243.668.000</b>
Góp vốn theo Hợp đồng hợp tác KD với Hãng phim Thiên Ngân	-	1.743.668.000
Góp vốn theo Hợp đồng hợp tác KD với Hãng phim Thanh Niên	2.500.000.000	2.500.000.000
Công ty Cổ phần Bất động sản Thanh Niên (*)	14.000.000.000	14.000.000.000
Đầu tư sản xuất phim – Áo Cưới Thiên Đường	1.600.000.000	-
Đầu tư sản xuất phim - Nhật ký Bạch Tuyết	1.300.000.000	-
Đầu tư sản xuất phim - Khi yêu đừng quay đầu lại	487.500.000	-
Đầu tư dài hạn khác	5.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>24.887.500.000</b>	<b>18.243.668.000</b>

(\*)Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 4103010620 đã thay đổi lần thứ nhất ngày 30/9/2008, vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Bất động sản Thanh niên là 280 tỷ đồng, trong đó, Công ty cam kết góp 78,4 tỷ đồng tương ứng với 28% vốn điều lệ. Tuy nhiên, đến ngày 31/12/2009, vốn thực góp của Công ty vào Công ty Cổ phần Bất động sản Thanh niên là 14 tỷ đồng. Công ty Cổ phần Bất động sản Thanh niên hiện đang hoàn tất các thủ tục triển khai dự án, dự kiến khởi công công trình cuối quý 2/2010.

### 17. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.441.293.804	525.768.524
Lỗ do bán và thuê Tài chính máy in Đà Nẵng	237.058.501	296.323.129
Phần mềm kế toán	6.124.999	-
Chi phí thuê nhà làm văn phòng 2010	183.853.872	-
<b>Cộng</b>	<b>1.868.331.176</b>	<b>822.091.653</b>

### 18. Tài sản dài hạn khác

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Ký quỹ, ký cược dài hạn	-	1.311.675.000
Đặt cọc tiền thuê nhà	1.108.740.000	-
Tiền cọc hợp đồng máy in tờ rời Đà Nẵng	1.158.450.000	-
Đặt cọc tiền thuê nhà CN Hà Nội	20.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>2.287.190.000</b>	<b>1.311.675.000</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 19. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
- Vay ngắn hạn	16.100.000.000	54.262.619.639
<i>Ngân hàng Quân đội - Chi nhánh TP HCM</i>	-	15.262.619.639
<i>Công ty CP DL &amp; TM Vinpearl</i>	-	39.000.000.000
<i>Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thương tín</i>	16.100.000.000	-
- Nợ dài hạn đến hạn trả	5.064.440.000	1.500.000.000
<i>Nợ thuê tài chính Ngân Hàng Á Châu đến hạn trả</i>	2.748.440.000	-
<i>Nợ vay dài hạn Ngân Hàng Đông Á đến hạn trả</i>	2.316.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>21.164.440.000</b>	<b>55.762.619.639</b>

### 20. Phải trả người bán

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Công ty TNHH Giấy Hưng Thịnh	-	1.176.585.428
John.Rieckermann E.K	-	5.636.364.000
Công ty TNHH Thương mại DVB Kôvi	168.489.750	205.927.920
CN Công ty TNHH Thiết bị In SPM	646.963.500	136.555.496
Công ty CP Xây lắp Thủy sản Việt Nam	-	292.263.363
Công ty CP Thương mại Toàn Lực	32.840.178.781	18.643.765.766
Công ty CP Đầu tư và sản xuất Việt Hàn	-	17.965.499.374
Blue Hill Enterprise Hill Co.,Ltd	468.636.861	107.803.950
Công ty CP SXTM Mêkông	-	1.415.157.167
<i>Báo Thanh Niên Hà Nội</i>	-	91.120.000
<i>Bệnh viện Phương Đông</i>	-	17.050.000
<i>Công ty đầu tư và phát triển Kỳ Hà - Chu Lai</i>	22.015.934.797	-
<i>Công ty TNHH TM Đắc Nguyên</i>	844.743.862	-
<i>Công ty TNHH MTV CB - In Sài Gòn 3</i>	138.141.779	-
<i>Xí nghiệp in thông kê TP HCM</i>	44.692.200	-
<i>CN Tổng công ty CN in bao bì Liksin - TT KD</i>	59.611.200	-
<i>Công ty XNK ngành in TP HCM</i>	150.000.000	-
<i>Giải Bóng đá U21 - HD Pepsico</i>	400.000.000	-
<i>Công ty kinh doanh bất động sản - Viglacera</i>	79.570.431	-
<i>ELAND INTERNATIONAL INVEST CO. LTD</i>	899.830.855	-
<i>NEC TRANGDINH., LTD</i>	403.533.637	-
Các khách hàng khác "dưới 30.000.000đ"	166.987.553	67.122.200
<b>Cộng</b>	<b>59.327.315.206</b>	<b>45.755.214.664</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 21. Người mua trả tiền trước

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Cửa hàng Vinpearl Nha Trang	-	68.074.995
Huỳnh Hải Long	-	1.724.737.911
Công ty CP Cơ khí Đại Phát	-	77.317.799
Cơ sở Hiệp Hưng	56.367.052	-
Tiền bán vé Chương trình duyên dáng Việt Nam 21	2.018.500.000	-
Thẻ membership	440.000.000	-
Tiền tài trợ Chương trình Duyên Dáng Việt Nam 21	2.594.922.695	-
Các khách hàng khác "dưới 30.000.000đ"	28.760.518	-
<b>Cộng</b>	<b>5.138.550.265</b>	<b>1.870.130.705</b>

### 22. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
<b>Thuế phải nộp nhà nước</b>	<b>1.918.958.080</b>	<b>5.060.988.674</b>
- Thuế GTGT	8.096.136	-
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	15.191.053
- Thuế xuất nhập khẩu	-	25.318.407
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.845.875.374	4.842.959.059
- Thuế Thu nhập cá nhân	64.986.570	177.520.155
<b>Các khoản phải nộp khác</b>	<b>500.000</b>	<b>-</b>
- Các khoản phí, lệ phí	500.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.919.458.080</b>	<b>5.060.988.674</b>

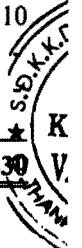
Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 23. Chi phí phải trả

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Chi phí quảng cáo	-	6.987.020
Tài trợ cuộc thi báo Thanh niên thể thao và Giải Trí	-	50.000.000
Chi phí hoa hồng	70.233.271	23.010.410
Chi phí thẻ Membership	378.643.864	
Chi phí trả trước khác	50.302.741	
<b>Cộng</b>	<b>499.179.876</b>	<b>79.997.430</b>



### 24. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	72.038.166	67.676.087
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	13.196.207	5.549.671
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.121.926.832	1.617.796.112
- Công ty CP Truyền Thông Bách Việt Phương Nam	646.750.000	315.917.000
- Công ty CP Xây Dựng Công Trình 2-9	-	549.579.489
- Công ty Rass Night	111.500.000	111.500.000
- Công ty CP Công nghệ Việt Kiều	160.000.000	160.000.000
- Cổ tức	343.571.308	262.488.788
- Báo Thanh Niên	-	188.532.784
- Quỹ nhân tài đất Việt - Học Bổng Nguyễn Thái Bình	300.000.000	-
- Xi nghiệp in Báo Thanh Niên	1.500.000.000	-
- Các đối tượng khác	60.105.524	29.778.051
<b>Cộng</b>	<b>3.207.161.205</b>	<b>1.691.021.870</b>

### 25. Vay và nợ dài hạn

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Vay dài hạn	7.526.000.000	-
Vay ngân hàng Đông Á	7.526.000.000	-
Nợ dài hạn	9.119.540.000	8.500.000.000
Công ty TNHH MTV Cho thuê TC NH Á Châu	9.119.540.000	8.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>16.645.540.000</b>	<b>8.500.000.000</b>

Thuê tài chính Hệ thống máy in cuộn của Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng Á Châu theo

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Hợp đồng thuê tài chính số 07.12.08/HĐCTTCLB ngày 31/12/2008. Thời hạn thuê là 60 tháng kể từ ngày 12/01/2009, lãi suất cho thuê điều chỉnh 6 tháng 1 lần với mức lãi suất trong hạn bằng lãi suất thời điểm + 1,2%/năm. Tổng giá trị hợp đồng thuê tài chính là 17.183.250.000 đồng. Công ty đã thanh toán đến 31/12/2009 là 9.039.650.000 đồng. Kết thúc thời hạn thuê, bên thuê được mua lại tài sản với giá 50.000.000 đồng.

Thuê tài chính Máy in tờ rời của Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng Á Châu theo Hợp đồng thuê tài chính số 02.05.09/HĐCTTC-TN ngày 25/5/2009. Thời hạn thuê là 60 tháng kể từ ngày 12/01/2009, tổng giá trị tài sản là 4.860.000.000 đồng, trị giá thuê là 3.742.200.000 đồng (đã bao gồm thuế VAT).

### 26. Vốn chủ sở hữu

#### a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quý đầu tư và phát triển	Quý dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại 01/01/2008	93.778.500.000		79.000.000	150.000.000	3.913.196.204	97.920.696.204
Tăng trong năm	5.020.000.000	-	-	-	19.817.461.666	24.837.461.666
Giảm trong năm	-	-	-	-	3.883.021.974	3.883.021.974
Số dư tại 31/12/2008	98.798.500.000	-	79.000.000	150.000.000	19.847.635.896	118.875.135.896
Số dư tại 01/01/2009	98.798.500.000	-	79.000.000	150.000.000	19.847.635.896	118.875.135.896
Tăng trong năm	-	-	1.000.000.000	998.000.000	9.713.035.484	11.711.035.484
Giảm trong năm	-	63.423.854	-	-	14.860.204.087	14.923.627.941
Số dư tại 31/12/2009	98.798.500.000	(63.423.854)	1.079.000.000	1.148.000.000	14.700.467.293	115.662.543.439

Công ty đã trích lập các quỹ và chia cổ tức theo nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 18/4/2009

#### b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
- Vốn đầu tư trên các BCTC của công ty mẹ, công ty con	156.381.867.660	119.798.500.000
- Vốn Công ty mẹ đầu tư vào các công ty con	29.583.367.660	21.000.000.000
+ Công ty TNHH MTV Giải trí Thanh Niên (i)	1.000.000.000	-
+ Công ty TNHH MTV Quảng Cáo Phát Hành Thanh Niên	583.367.660	-
+ Công ty CP Cao ốc Thanh niên (Detesco)(ii)	28.000.000.000	21.000.000.000
- Vốn của các cổ đông thiểu số	28.000.000.000	-
	-	-
<b>Cộng</b>	<b>98.798.500.000</b>	<b>98.798.500.000</b>

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104010165 ngày 29 tháng 05 năm 2009 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, vốn điều lệ của Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành Viên

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Giải Trí Thanh Niên là 01 tỷ đồng do Công ty Cổ phần Tập đoàn Truyền thông Thanh Niên góp 100% vốn điều lệ. Đến 31/12/2009, Công ty đã góp vốn là 583.367.660 đồng.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103026950 ngày 26 tháng 09 năm 2008 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội, vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Cao ốc Thanh niên Detesco là 80 tỷ đồng (trong đó, Công ty Cổ phần Truyền thông Thanh niên cam kết góp 52 tỷ đồng chiếm tỷ lệ 65% vốn điều lệ). Tuy nhiên, cho đến ngày 31/12/2009, các cổ đông mới góp được 56 tỷ đồng, trong đó Công ty Cổ phần Truyền thông Thanh niên góp 28 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 50% vốn thực tế đã góp. Dự án của Công ty Cổ phần Cao ốc Thanh niên Detesco đang trong giai đoạn đầu tư; thời gian dự kiến hoàn thành, đưa vào sử dụng khai thác tháng 9/2011.

### c. Cổ phiếu

	31/12/2009	31/12/2008
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.879.850	9.879.850
- Cổ phiếu thường	9.879.850	9.879.850
- Cổ phiếu ưu đãi		
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND		

(\*) Công ty đã điều chỉnh mệnh giá cổ phiếu từ 100.000 đồng/cổ phiếu thành 10.000 đồng/cổ phiếu.

### 27. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	212.191.298.253	207.262.264.662
Doanh thu cung cấp dịch vụ	8.827.799.964	7.935.917.234
<b>Cộng</b>	<b>221.019.098.217</b>	<b>215.198.181.896</b>

### 28. Giá vốn hàng bán

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Giá vốn hàng hóa	165.546.151.098	189.918.539.613
Giá vốn của thành phẩm đã bán	38.459.445.295	8.563.166.036
Giá vốn của dịch vụ	5.256.008.243	6.689.592.334
<b>Cộng</b>	<b>209.261.604.636</b>	<b>205.171.297.983</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 29. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Lãi tiền gửi Ngân hàng, lãi cho vay	411.157.954	1.202.095.956
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	-	600.000.000
Lợi nhuận góp vốn làm phim	434.170.143	66.523.813
Lợi nhuận hợp tác với công ty Hải My	82.400.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	286.798.682	134.779.893
Chiết khấu thanh toán	426.250.000	-
Lãi nhượng quyền góp vốn	19.000.000.000	28.000.000.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	3.298.000	-
<b>Cộng</b>	<b>20.644.074.779</b>	<b>30.003.399.662</b>

### 30. Chi phí tài chính

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Chi phí lãi vay	3.293.500.648	1.639.485.411
Chiết khấu thanh toán nhanh, lãi mua hàng trả chậm	-	574.412.489
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	625.839.483	386.509.089
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	131.035.997
Chi phí tài chính khác	112.000	-
<b>Cộng</b>	<b>3.919.452.131</b>	<b>2.731.442.986</b>

### 31. Thu nhập khác

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Thu nhập từ thanh lý TSCĐ, CCDC	-	16.365.000.000
Thu nhập khác	17.844.800	53.640.686
<b>Cộng</b>	<b>17.844.800</b>	<b>16.418.640.686</b>

### 32. Chi phí khác

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Chi phí hoạt động bán thanh lý, chuyển nhượng tài sản	59.930.822	16.365.000.000
Chi phí khác	30.754.286	29.999.658
<b>Cộng</b>	<b>90.685.108</b>	<b>16.394.999.658</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 33. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông Công ty mẹ	9.640.709.856	19.817.461.666
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán		-
Các khoản điều chỉnh tăng		-
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số		-
Các khoản điều chỉnh giảm		-
Lợi nhuận hoặc Lỗ phân bổ cho Cổ đông sở hữu CP phổ thông	9.640.709.856	19.817.461.666
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	9.879.850	9.856.145
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>976</b>	<b>2.011</b>

Như trình bày tại mục (\*) của Thuyết minh số 26c, Công ty đã điều chỉnh mệnh giá cổ phiếu từ 100.000 đồng thành 10.000 đồng. Theo đó, số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân và lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2008 đã được trình bày lại theo mệnh giá mới nhằm đảm bảo tính so sánh.

### 34. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong các Báo cáo tài chính hợp nhất.

### 35. Số liệu so sánh

Là số liệu trong Báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008 được kiểm toán bởi AAC.

**Q. Tổng Giám đốc**



**Đỗ Ngọc Tuấn**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 04 năm 2009

**Kế toán trưởng**

**Bùi Thị Hồng Minh**